

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2023

1. Bảng cân đối kế toán

(Mẫu số B01-DNN)

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

(Mẫu số B02-DNN)

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(Mẫu số F03-DNN)

4. Thuyết minh báo cáo tài chính

(Mẫu số F09-DNN)

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Báo cáo tài chính Quý II/2023



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2 - 5
2. Báo cáo tài chính Quý II/2023	
- Bảng cân đối kế toán Quý II/2023	6 - 7
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý II/2023	8 - 9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý II/2023	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính Quý II/2023	11 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Quý II/2023

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính Quý II/2023 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4601039023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19/03/2012 với số vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 27.748.000.000 đồng, tương ứng với 2.774.800 cổ phần. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 10 ngày 06/07/2023 với số vốn điều lệ là 958.746.100.000 đồng, tương ứng với 95.874.610 cổ phần.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Hoàng Tuyên	Chủ tịch
- Ông Lê Xuân Tân	Phó chủ tịch
- Ông Nguyễn Văn Thủy	Thành viên
- Ông Nguyễn Xuân Đôn	Thành viên
- Ông Vũ Hồng Minh	Thành viên
- Ông Trần Thiện Sách	Thành viên
- Ông Lý Thái Hải	Thành viên (i) (Từ ngày 20/05/2022)

(i) Được bầu bổ sung vào HĐQT tại kỳ đại hội cổ đông thường niên năm 2022 theo Nghị quyết số 51/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2022.

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm các vị như sau:

Ban Tổng giám đốc:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Xuân Tân	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Thủy	Phó Tổng giám đốc
- Ông Trần Thiện Sách	Phó Tổng giám đốc
- Ông Đào Mạnh Duy	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh
- Bà Cao Thị Hồng	Giám đốc Nhân sự
- Bà Lê Thị Thúy An	- Marketing
- Ông Nguyễn Hữu Điệp	Giám đốc Tài chính (i) (Đến ngày 31/05/2023)
	Phó Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Quý I/2023

(i) Theo quyết định số 355/2023/QĐ-TNH ngày 31 tháng 05 năm 2023.

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Ban Kiểm soát:Họ và tên:Chức vụ:

- Bà Lê Thị Ánh Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 12/04/2023)	(i)
- Ông Vũ Văn Thành	Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 12/04/2023)	(i)
- Ông Nguyễn Văn Chuân	Thành viên (từ ngày 19/06/2023)	(ii)
- Ông Đặng Đức Huân	Thành viên (từ ngày 19/06/2023)	(ii)
- Ông Vũ Văn Thành	Thành viên (đến ngày 19/06/2023)	(ii)
- Bà Lê Thị Hào	Thành viên (đến ngày 19/06/2023)	(ii)
- Bà Lê Thị Ánh Hằng	Thành viên (từ ngày 20/05/2022)	(iii)
- Ông Hoàng Thắng	Thành viên (đến ngày 20/05/2022)	(iii)

(i): Theo Nghị quyết số 202/QĐ-TNH ngày 12/04/2023 của Ban Kiểm soát.

(ii): Theo Nghị quyết số 501/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông

(iii): Theo Nghị quyết số 51/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2022 của Đại hội đồng cổ đông.

Người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Hoàng Tuyên - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại: số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kết quả hoạt động kinh doanh Quý II/2023 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị Công ty được yêu cầu:

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Quý I/2023

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Quý I/2023

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 07 năm 2023



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOÀNG TUYỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		635.183.930.999	192.762.445.738
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		496.563.965.984	73.783.104.379
1. Tiền	111	V.01	466.563.965.984	73.783.104.379
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125.286.795.027	103.606.881.125
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	26.992.662.840	15.704.571.779
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	98.246.328.800	87.780.791.902
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	47.803.387	121.517.444
IV. Hàng tồn kho	140		12.048.615.759	14.883.761.752
1. Hàng tồn kho	141	V.06	12.048.615.759	14.883.761.752
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.284.554.229	488.698.482
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	1.283.554.229	488.698.482
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	1.000.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.464.327.912.215	1.201.364.438.383
II. Tài sản cố định	220		1.025.010.924.681	1.049.551.699.694
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	944.574.278.201	968.132.528.075
- Nguyên giá	222		1.069.851.432.280	1.075.329.066.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(125.277.154.079)	(107.196.538.805)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	80.436.646.480	81.419.171.619
- Nguyên giá	228		86.035.480.000	86.035.480.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.598.833.520)	(4.616.308.381)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	35.469.943.035	35.901.349.486
- Nguyên giá	231		37.564.119.824	37.564.119.824
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.094.176.789)	(1.662.770.338)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		295.456.357.436	5.913.647.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.07	295.456.357.436	5.913.647.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	96.000.000.000	96.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		96.000.000.000	96.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.390.687.063	13.997.742.203
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	12.390.687.063	13.997.742.203
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.099.511.843.214	1.394.126.884.121

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		574.760.008.798	473.324.601.611
I. Nợ ngắn hạn	310		268.707.686.106	284.379.873.312
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	15.435.343.551	15.097.061.786
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.225.765.807	3.953.535.902
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2.433.447.236	1.681.736.849
4. Phải trả người lao động	314		6.299.630.568	5.028.642.554
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	4.192.200
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	243.313.498.944	258.614.704.021
II. Nợ dài hạn	330		306.052.322.692	188.944.728.299
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16	7.158.181.819	7.278.181.819
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	298.894.140.873	181.666.546.480
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.524.751.834.416	920.802.282.510
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	1.524.751.834.416	920.802.282.510
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		958.746.100.000	518.749.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		258.967.990.000	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		307.037.744.416	402.052.302.510
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		246.431.172.510	261.476.600.309
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		60.606.571.906	140.575.702.201
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.099.511.843.214	1.394.126.884.121

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 07 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

LƯU THỊ HẢI YẾN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THU THỦY

CHỦ TỊCH HĐQT



HOÀNG TUYÊN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý II/2023

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2023	Quý II/2022	Lũy kế đầu năm đến cuối năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	123.464.416.102	118.595.118.766	229.584.908.399	207.503.351.299
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		123.464.416.102	118.595.118.766	229.584.908.399	207.503.351.299
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	64.686.831.165	60.702.581.063	126.656.614.679	118.110.153.364
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.777.584.937	57.892.537.703	102.928.293.720	89.393.197.935
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	72.843.539	4.243.723	85.889.681	10.651.137
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	9.116.739.050	9.932.361.149	18.456.495.771	19.929.689.142
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.116.739.050	9.705.441.149	18.456.495.771	19.475.849.142
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	8.798.735.675	8.552.429.530	17.086.034.769	13.595.957.797
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.934.953.751	39.411.990.747	67.471.652.861	55.878.202.133
11. Thu nhập khác	31		8.466.602	35.000.000	296.306.582	35.000.000
12. Chi phí khác	32		445.756.061	69.246.000	445.756.061	69.246.000
13. Lợi nhuận khác	40		(437.289.459)	(34.246.000)	(149.449.479)	(34.246.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.497.664.292	39.377.744.747	67.322.203.382	55.843.956.133
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.06	4.350.829.569	1.211.705.008	6.715.631.476	1.550.520.356
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		36.146.834.723	38.166.039.739	60.606.571.906	54.293.435.777
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.07	377	398	632	566

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN
Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 07 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU



LƯU THỊ HẢI YẾN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THU THỦY

CHỦ TỊCH HĐQT



HOANG TUYẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	67.322.203.382	55.843.956.133
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	20.447.824.825	19.585.078.481
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(85.889.681)	(10.651.137)
- Chi phí lãi vay	06	18.456.495.771	19.929.689.142
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	106.140.634.297	95.348.072.619
- Tăng, giảm các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(11.215.377.004)	(42.951.239.468)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.835.145.993	(1.734.937.471)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.122.616.017)	27.565.415.751
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	6.141.110.432	6.372.275.479
- Tiền lãi vay đã trả	14	(18.456.495.771)	(19.959.622.832)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.083.997.588)	(1.916.352.488)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	78.238.404.342	62.723.611.590
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(300.812.801.734)	(61.842.351.526)
7. Thu lãi tiền gửi	27	85.889.681	10.651.137
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(300.726.912.053)	(61.831.700.389)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	543.342.980.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	243.362.341.037	129.604.471.023
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(141.435.951.721)	(145.288.010.554)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	645.269.369.316	(15.683.539.531)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	422.780.861.605	(14.791.628.330)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	73.783.104.379	133.571.316.553
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	496.563.965.984	118.779.688.223

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 07 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT





LƯU THỊ HẢI YẾN

NGUYỄN THỊ THU THỦY

HOÀNG TUYẾN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4601039023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19/03/2012 với số vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 27.748.000.000 đồng, tương ứng với 2.774.800 cổ phần. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 10 ngày 06/07/2023 với số vốn điều lệ là 958.746.100.000 đồng, tương ứng với 95.874.610 cổ phần.

Hiện nay, Công ty quản lý và cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh tại 02 Bệnh viện là: Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên, địa chỉ tại số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên (được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 134/BYT-GPHĐ ngày 27/01/2014); và Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên, địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 261/BYT-GPHĐ ngày 04/12/2019).

Tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc đầu tư dự án Bệnh viện TNH Việt Yên. Ngày 07/04/2022, Công ty đã thành lập Chi nhánh Bệnh viện TNH Việt Yên tại Bắc Giang và bổ nhiệm người đứng đầu Chi nhánh để thay mặt công ty triển khai đầu tư xây dựng dự án và quản lý tài sản, nhân sự, hoạt động của Bệnh viện TNH Việt Yên sau khi dự án đi vào hoạt động (theo Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐQT ngày 07/04/2022). Chi nhánh Bệnh viện TNH Việt Yên tại Bắc Giang đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh lần đầu ngày 17/05/2022.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là: khám, chữa bệnh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại: số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đơn vị trực thuộc:

Công ty có 03 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là:

- Chi nhánh Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên có địa chỉ tại số 328, đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số 4601039023 - 001.
- Chi nhánh Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình có địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số 4601039023 - 002.

- Chi nhánh Bệnh viện TNH Việt Yên có địa chỉ tại lô đất YT, đường Nguyễn Thế Nho, KDC Nguyễn Thế Nho, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số 4601039023 - 003.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính Quý II/2023 này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/04/2023 và kết thúc vào ngày 30/06/2023.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính Quý II/2023 này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Quý II/2023 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng Quản trị Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính Quý II/2023 theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|-----------------|-----------------------|
| - Thuốc | Nhập trước xuất trước |
| - Vật tư y tế | Nhập trước xuất trước |
| - Hóa chất y tế | Nhập trước xuất trước |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý,

nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty tạm tăng nguyên giá tài sản cố định là Tòa nhà Bệnh viện Đa khoa Yên Bình (địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên), Tòa nhà Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (địa chỉ tại số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) khi đưa vào sử dụng, do chưa thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng nên nguyên giá tài sản có thể thay đổi sau khi có quyết toán chính thức.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc: 06 - 48 năm
- Máy móc thiết bị: 06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 10 - 15 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý: 10 năm

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Phần mềm máy tính: 08 - 20 năm
- Quyền sử dụng đất: 50 năm

4.5.3 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 42 - 46 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).
- (iv) Công ty con là công ty mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.
- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, dụng cụ y tế, vật tư y tế,... Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính Quý II/2023 theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.10. Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.13. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, và các chi phí tài chính khác phát sinh trong kỳ tài chính.

4.14. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Dịch vụ y tế do Công ty cung cấp không chịu thuế giá trị gia tăng. Các hoạt động khác ngoài dịch vụ y tế chịu thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thu nhập từ dịch vụ khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (địa chỉ, số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên) được hưởng ưu đãi với mức thuế suất là 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Các

khoản thu nhập ngoài hoạt động khám, chữa bệnh áp dụng mức thuế suất là 20%. Kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2023 thu nhập từ hoạt động khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đang được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ dịch vụ khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình (địa chỉ, xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) được hưởng ưu đãi với mức thuế suất là 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Các khoản thu nhập ngoài hoạt động khám, chữa bệnh áp dụng mức thuế suất là 20%. Kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2023 thu nhập từ hoạt động khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đang được giảm 50% số thuế phải nộp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành: Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập, chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.15. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ II/2023**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền	466.563.965.984	73.783.104.379
- Tiền mặt	3.445.175.970	154.784.526
- Tiền gửi ngân hàng	463.118.790.014	73.628.319.853
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	-
Cộng	496.563.965.984	73.783.104.379

(*) Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		(VND)		(VND)	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a)	Ngắn hạn	-	-	-	-
b)	Dài hạn	96.000.000.000	-	96.000.000.000	-
	Đầu tư vào công ty liên kết	96.000.000.000	-	96.000.000.000	-
(i)	Công ty CP Bệnh viện TNH Lạng Sơn	96.000.000.000		96.000.000.000	
	Cộng	96.000.000.000	-	96.000.000.000	-

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty liên kết:

(i) Công ty CP Bệnh viện TNH Lạng Sơn được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 4900891500, đăng ký lần đầu ngày 22/12/2022. Vốn điều lệ của công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 200.000.000.000 đồng (tương ứng với 20.000.000 cổ phần), trong đó Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên nắm giữ 48% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) Mẫu số B 09a – DN

Quý II/2023

5.3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
	Giá trị	Giá trị
Ngắn hạn	26.992.662.840	15.704.571.779
Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên	26.025.117.952	14.799.209.528
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	-	186.703.200
Công ty TNHH Glonics Việt Nam	10.770.000	164.240.000
Bảo hiểm Insmart	169.073.497	100.825.509
Chi nhánh Thái Nguyên- Công ty CP Dịch vụ TM tổng hợp Vincommerce	-	62.970.000
Hộ kinh doanh Phạm Thị Hiền	297.000.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	490.701.391	390.623.542
Dài hạn	-	-
Cộng	26.992.662.840	15.704.571.779

5.4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
	Giá trị	Giá trị
Ngắn hạn	98.246.328.800	87.780.791.902
Công ty Cổ phần Công nghệ Sức khỏe Taurus	72.000.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Đức Dũng	22.300.000.000	-
Công ty TNHH xây dựng thương mại Đông Nam	-	78.992.798.868
Văn phòng Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ Xây dựng - Đại học Kiến trúc Hà Nội	-	3.192.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Blue Mount	-	1.368.000.000
Công ty TNHH thương mại - kỹ thuật Vimetech	3.208.500.000	3.208.500.000
Các nhà cung cấp khác	737.828.800	1.019.493.034
Dài hạn	-	-
Cộng	98.246.328.800	87.780.791.902

5.5. Phải thu khác

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
	Giá trị Dự phòng	Giá trị Dự phòng
Ngắn hạn	47.803.387	121.517.444
- Tạm ứng	-	80.000.000
- Bảo hiểm xã hội	40.734.894	41.517.444
- Phải thu khác	7.068.493	-
Dài hạn	-	-
Cộng	47.803.387	121.517.444

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) Mẫu số B 09a – DN

Quý II/2023

5.6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Thuốc, vật tư y tế, hóa chất y tế	11.589.357.763	-	14.883.761.752	-
- Chi phí SXKD dở dang	459.257.996	-	278.854.203	-
Cộng	12.048.615.759	-	15.162.615.955	-

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản:	295.456.357.436	5.913.647.000
Dự án bệnh viện Phụ sản - BV Quốc tế	4.949.405.000	4.949.405.000
Dự án đầu tư, xây dựng bệnh viện Việt Yên	290.506.952.436	964.242.000
Cộng	295.456.357.436	5.913.647.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Quý II/2023

Mẫu số B 09a – DN

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nội Dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2023	895.936.892.421	168.967.833.975	10.093.625.884	330.714.600	1.075.329.066.880
- Mua trong kỳ	-	804.554.400	-	-	804.554.400
- Chuyển sang chi phí trả trước	(6.282.189.000)	-	-	-	(6.282.189.000)
Số dư tại ngày 30/06/2023	889.654.703.421	169.772.388.375	10.093.625.884	330.714.600	1.069.851.432.280
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2023	63.091.761.595	40.638.703.329	3.356.307.566	109.766.315	107.196.538.805
- Khấu hao trong kỳ	12.644.185.565	5.940.565.572	431.787.323	17.354.775	19.033.893.235
- Chuyển sang chi phí trả trước	(953.277.961)	-	-	-	(953.277.961)
Số dư tại ngày 30/06/2023	74.782.669.199	46.579.268.901	3.788.094.889	127.121.090	125.277.154.079
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại ngày 01/01/2023	832.845.130.826	128.329.130.646	6.737.318.318	220.948.285	968.132.528.075
Số dư tại ngày 30/06/2023	814.872.034.222	123.193.119.472	6.305.530.995	203.593.510	944.574.278.201

Trong đó: Giá trị còn lại của TSCĐ đem đi thế chấp các khoản vay là: 847.396.299.866 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) Mẫu số B 09a – DN
Quý II/2023**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	68.299.000.000	17.736.480.000	86.035.480.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	68.299.000.000	17.736.480.000	86.035.480.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	284.395.973	4.331.912.408	4.616.308.381
Khấu hao trong kỳ	284.395.974	698.129.165	982.525.139
Số dư cuối kỳ	568.791.947	5.030.041.573	5.598.833.520
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	68.014.604.027	13.404.567.592	81.419.171.619
Số dư cuối kỳ	67.730.208.053	12.706.438.427	80.436.646.480

(*) Bao gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của “lô đất YT thuộc khu dân cư đường Nguyễn Thế Nho, trị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang” được UBND tỉnh Bắc Giang cấp ngày 28/6/2022 (giá trúng đấu giá là 28.250.000.000 đồng, thời hạn sử dụng đất là 50 năm).

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của “thửa đất tại địa chỉ Khối 10, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn” được UBND tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 02/3/2023 (giá trúng đấu giá là 40.049.000.000 đồng, thời hạn sử dụng đất là 50 năm).

5.10 Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	37.564.119.824	37.564.119.824
- Tăng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	37.564.119.824	37.564.119.824
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	1.662.770.338	1.662.770.338
- Khấu hao trong kỳ	431.406.451	431.406.451
Số dư cuối kỳ	2.094.176.789	2.094.176.789
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại thời điểm đầu năm	35.901.349.486	35.901.349.486
Tại thời điểm cuối kỳ	35.469.943.035	35.469.943.035

5.11 Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	1.283.554.229	488.698.482
- Công cụ dụng cụ	1.283.554.229	488.698.482
b. Chi phí trả trước dài hạn	12.390.687.063	13.997.742.203
- Công cụ dụng cụ và chi phí trả trước dài hạn khác	12.390.687.063	13.997.742.203
Cộng	13.674.241.292	14.486.440.685

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Quý II/2023

Mẫu số B 09a – DN

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Tăng trong kỳ (VND)	Giảm trong kỳ (VND)	Số cuối kỳ	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Gốc vay ngắn hạn	192.998.704.021	192.998.704.021	86.838.746.644	108.539.951.721	171.297.498.944	171.297.498.944
(i) NH Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn – CN Thái Nguyên	33.286.530.495	33.286.530.495	11.852.749.906	35.952.878.358	9.186.402.043	9.186.402.043
(ii) Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	67.692.173.526	67.692.173.526	74.985.996.738	72.587.073.363	70.091.096.901	70.091.096.901
(iii) Vay cá nhân (*)	92.020.000.000	92.020.000.000	-	-	92.020.000.000	92.020.000.000
b) Gốc vay dài hạn	247.282.546.480	247.282.546.480	156.523.594.393	32.896.000.000	370.910.140.873	370.910.140.873
(iv) Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	218.297.410.816	218.297.410.816	-	28.000.000.000	190.297.410.816	190.297.410.816
(v) Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	11.223.935.664	11.223.935.664	156.523.594.393	2.808.000.000	164.939.530.057	164.939.530.057
(vi) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thái Nguyên	17.761.200.000	17.761.200.000	-	2.088.000.000	15.673.200.000	15.673.200.000
Cộng	467.695.186.831	440.281.250.501	243.362.341.037	141.435.951.721	542.207.639.817	542.207.639.817

(*) Vay ngắn hạn các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Quý II/2023

Mẫu số B 09a – DN

c) Phân loại vay dài hạn đến hạn trả

	Số đầu năm (VND)		Số cuối kỳ (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	56.000.000.000	56.000.000.000	62.000.000.000	62.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	5.616.000.000	5.616.000.000	5.616.000.000	5.616.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thái Nguyên	4.000.000.000	4.000.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000
Cộng	65.616.000.000	65.616.000.000	72.016.000.000	72.016.000.000

d) Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính

d1 Vay ngắn hạn (d1 = a+c)	258.614.704.021	258.614.704.021	243.313.498.944	243.313.498.944
d2 Vay dài hạn (d2 = b-c)	181.666.546.480	181.666.546.480	298.894.140.873	298.894.140.873
Cộng	440.281.250.501	440.281.250.501	542.207.639.817	542.207.639.817

(i) Hợp đồng tín dụng số 8500-LAV/202200031 ngày 07/02/2022 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Thái Nguyên. Hạn mức tín dụng 60.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động Y tế khám chữa bệnh. Thời hạn hiệu lực mức cấp tín dụng hết đến ngày 07/01/2023, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay trong hạn được quy định cụ thể trong từng Giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Quý II/2023

Mẫu số B 09a – DN

Hợp đồng tín dụng số 8500LAV202300229 ngày 15/03/2023 với ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Thái Nguyên. Hạn mức cấp tín dụng 42.900.000.000 VND Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phụ vụ hoạt động dịch vụ y tế, khám chữa bệnh. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Đối với khoản vay kỳ hạn dưới 6 tháng: Áp dụng lãi suất cho vay cố định, mức lãi suất theo quy định của Agribank qua từng thời kỳ và được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn. Lãi suất tại thời điểm hiện tại là: 9,5%/năm, đối với khoản vay kỳ hạn từ 6 tháng trở lên: Áp dụng mức lãi suất cho vay có điều chỉnh và được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn. Khoản vay được đảm bảo bởi tài sản thế chấp.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 01/2022/5745705/HĐTD ngày 07/07/2022. Hạn mức vay: 80.000.000.000 VND. Mục đích khoản vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 07/07/2023. Thời hạn cho vay, lãi suất cho vay trong hạn được quy định cụ thể theo Hợp đồng tín dụng cụ thể.

(iii) Vay ngắn hạn cá nhân là bên liên quan (xem thuyết minh 7.2) theo các hợp đồng:

- Khoản vay tín chấp của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên với bên cho vay là ông Hoàng Tuyền theo hợp đồng vay số 01/CTCP/HĐV-TNH ngày 29 tháng 08 năm 2022 số tiền vay 35.620.000.000 đồng. Mục đích vay để đảo hạn trái phiếu và các mục đích hợp pháp khác (nếu có), thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay là 5,45%.
- Khoản vay tín chấp của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên với bên cho vay là ông Lê Xuân Tân theo hợp đồng vay số 02/CTCP/HĐV-TNH ngày 29 tháng 08 năm 2022 số tiền vay 11.400.000.000 đồng. Mục đích vay để đảo hạn trái phiếu và các mục đích hợp pháp khác (nếu có), thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay là 5,45%.
- Khoản vay tín chấp của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên với bên cho vay là ông Nguyễn Xuân Đôn theo hợp đồng vay số 03/CTCP/HĐV-TNH ngày 29 tháng 08 năm 2022 số tiền vay 10.000.000.000 đồng. Mục đích vay để đảo hạn trái phiếu và các mục đích hợp pháp khác (nếu có), thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay là 5,45%.
- Khoản vay tín chấp của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên với bên cho vay là ông Nguyễn Văn Thủy theo hợp đồng vay số 04/CTCP/HĐV-TNH ngày 29 tháng 08 năm 2022 số tiền vay 35.000.000.000 đồng. Mục đích vay để đảo hạn trái phiếu và các mục đích hợp pháp khác (nếu có), thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay là 5,45%.

(iv) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/5745705/HĐTD ngày 26/8/2019. Hạn mức vay: 200.000.000.000 VND. Mục đích khoản vay: Đầu tư xây dựng Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II. Thời hạn vay: 96 tháng. Lãi suất cho vay trong 12 tháng đầu tiên là 8,2%/năm, 12 tháng tiếp theo là 8,3%/năm; lãi suất vay thời gian còn lại được thả nổi theo công thức quy định trong hợp đồng vay. Tài sản bảo đảm: Toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và các tài sản khác của Công ty phục vụ vận hành dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Quý II/2023

Mẫu số B 09a – DN

Và hợp đồng cho vay cấp tín dụng số 02/2022/5745705/SBBS ngày 10/08/2022 và sửa đổi ngày 31/12/2022 với ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Thái Nguyên. Hạn mức vay: 72.750.000.000 đồng. Mục đích khoản vay: Cho vay trả nợ trước hạn Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên giai đoạn I. Thời hạn vay: 20/03/2025. Lãi suất cho vay 12 tháng đầu tiên từ khi giải ngân: 6.2%/năm. Thời gian còn lại lãi suất vay được áp dụng theo phương thức thả nổi theo công thứ quy định trong hợp đồng. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư là dự án Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên.

(v) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng cho vay số: 5956.19.093.1699479.TD ngày 05/3/2019. Hạn mức 35.000.000.000 VND. Mục đích vay: Thanh toán mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động khám chữa bệnh của Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên. Thời hạn vay tối đa 72 tháng. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản bảo đảm được quy định tại Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số: 6113.19.093.1699479.BĐ.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng cho vay số: 99608.22.090.1699479.TD ngày 07/02/2023. Hạn mức 370.000.000.000 VND. Mục đích vay: Cho vay đầu tư xây dựng và mua sắm Máy móc thiết bị y tế để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Bệnh viện TNHH Việt Yên, Bắc Giang tại khu đất Y tế thuộc khu dân cư Nguyễn Thế Nho, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Thời hạn vay: 10 năm. Lãi suất vay theo từng lần giải ngân, nhận nợ và thỏa thuận chung. Tài sản đảm bảo theo Danh mục tài sản đảm bảo tại Hợp đồng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, chi tiết việc bảo đảm được quy định tại hợp đồng bảo đảm ký với MB.

(vi) Hợp đồng cho vay cấp tín dụng số 171/21/HĐTD/TN ngày 10/06/2021 và Hợp đồng sửa đổi ngày 20 tháng 09 năm 2021 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Thái Nguyên: Hạn mức tín dụng 19.634.000.000 VND, theo phương thức cho vay từng lần. Mục đích sử dụng khoản cấp tín dụng, lãi suất và thời hạn cho vay được quy định cụ thể trong các hợp đồng cho vay từng lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp: Số dư trên tài khoản thanh toán số 1015012758, Hệ thống chụp hưởng từ MAGNETOM Semptra 1.5 Tesla và phần mềm chụp kết nối phần mềm bệnh viện, một máy gây mê kèm thở có tính năng hy động phế nang và theo dõi khí mê Carestation 650 theo hợp đồng thế chấp số 188/21/HĐTC/TN, Hệ thống phẫu thuật nội soi full HD 1 chip và bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) Mẫu số B 09a – DN
Quý II/2023**5.13. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	15.435.343.551	15.435.343.551	15.097.061.786	15.097.061.786
- Công ty Cổ phần Dược Phẩm và Thiết bị y tế Á Châu	1.503.247.020	1.503.247.020	853.843.442	853.843.442
- Hộ kinh doanh TBYT Việt Hà - Phan Thị Chung	-	-	3.150.000.000	3.150.000.000
- Công ty CP đầu tư phát triển ACT Việt Nam	3.550.042.883	3.550.042.883	2.070.836.297	2.070.836.297
- Các nhà cung cấp khác	10.382.053.648	10.382.053.648	9.022.382.047	9.022.382.047
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	15.435.343.551	15.435.343.551	15.097.061.786	15.097.061.786

5.14 Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.225.765.807	3.953.535.902
- Bệnh nhân trả trước	1.161.523.807	3.904.293.902
- Công ty cổ phần DongWha Việt Nam	49.242.000	49.242.000
- Khách hàng khác	15.000.000	-
Dài hạn	-	-
Cộng	1.225.765.807	3.953.535.902

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Quý II/2023

5.15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế phải thu				
- Phí, lệ phí	-	1.000.000		1.000.000
Cộng	-	1.000.000	-	1.000.000
Thuế phải nộp				
- Thuế GTGT hàng bán ra	2.941.905	151.504.155	132.335.253	22.110.807
- Thuế TNDN	1.472.367.354	6.715.631.476	6.083.997.588	2.104.001.242
- Thuế thu nhập cá nhân	206.427.590	1.813.666.874	1.712.759.277	307.335.187
- Các khoản phải nộp khác	-	148.656.775	148.656.775	-
Cộng	1.681.736.849	8.829.459.280	8.077.748.893	2.433.447.236

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế (kể từ khi đi vào hoạt động đến thời điểm kết thúc kỳ tài chính Quý II/2023 này, Công ty chưa được Cơ quan thuế thực hiện quyết toán thuế). Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính Quý II/2023 có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) Mẫu số B 09a – DN

Quý II/2023

5.16 Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	7.158.181.819	7.278.181.819
- Doanh thu cho thuê mặt bằng nhận trước	7.158.181.819	7.278.181.819
Cộng	7.158.181.819	7.278.181.819

5.17 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	415.000.000.000	-	365.226.580.309	780.226.580.309
Tăng vốn năm trước	103.749.980.000	-	-	103.749.980.000
Lãi trong năm trước	-	-	140.575.702.201	140.575.702.201
Phân phối lợi nhuận	-	-	(103.749.980.000)	(103.749.980.000)
Số dư đầu năm nay	518.749.980.000	-	402.052.302.510	920.802.282.510
Tăng trong năm nay	284.374.990.000	258.967.990.000	-	543.342.980.000
Lãi trong kỳ	-	-	60.606.571.906	60.606.571.906
Phân phối lợi nhuận	155.621.130.000	-	(155.621.130.000)	-
Số dư cuối kỳ	958.746.100.000	258.967.990.000	307.037.744.416	1.524.751.834.416

b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng CP đăng ký phát hành	95.874.610	51.874.998
Số lượng CP đã bán ra công chúng	95.874.610	51.874.998
Cổ phiếu phổ thông	95.874.610	51.874.998
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	95.874.610	51.874.998
Cổ phiếu phổ thông	95.874.610	51.874.998
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý II/2023 (VND)	Quý II/2022 (VND)
- Doanh thu dịch vụ khám chữa bệnh	122.896.363.360	118.112.263.302
- Doanh thu dịch vụ khác	568.052.742	482.855.464
Cộng	123.464.416.102	118.595.118.766

6.2 Giá vốn hàng bán

	Quý II/2023	Quý II/2022
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	64.686.831.165	60.702.581.063
Cộng	64.686.831.165	60.702.581.063

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II/2023	Quý II/2022
- Lãi tiền gửi ngân hàng	72.843.539	4.243.723
Cộng	72.843.539	4.243.723

6.4 Chi phí tài chính

	Quý II/2023	Quý II/2022
- Lãi tiền vay	9.116.739.050	9.705.441.149
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	226.920.000
Cộng	9.116.739.050	9.932.361.149

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý II/2023	Quý II/2022
- Chi phí nhân viên quản lý	4.816.053.340	4.150.160.238
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý khác	3.982.682.335	4.402.269.292
Cộng	8.798.735.675	8.552.429.530

6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý II/2023	Quý II/2022
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.242.982.470	1.211.705.008
- Chi phí thuế TNDN các năm trước hạch toán vào năm nay	1.107.847.099	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.350.829.569	1.211.705.008

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý II/2023	Quý II/2022
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	36.146.834.723	38.166.039.739
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	36.146.834.723	38.166.039.739
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	95.874.610	95.874.610
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	377	398

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Báo cáo bộ phận**

Trong Quý II/2023, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chỉ là dịch vụ khám, chữa bệnh, do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong Quý II/2023, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ tài chính này chỉ diễn ra trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

7.2 Thông tin về các bên có liên quanCác bên liên quan:

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch mua, bán các bên liên quan phát sinh bắt đầu từ ngày 01/01/2023 và kết thúc vào ngày 30/06/2023:

	Mối quan hệ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
+ Lãi vay trả ông Hoàng Tuyên	Chủ tịch HĐQT	951.136.990	-
+ Lãi vay trả ông Lê Xuân Tân	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	967.985.699	-
+ Lãi vay trả ông Nguyễn Văn Thủy	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD	309.798.903	-
+ Lãi vay trả ông Nguyễn Xuân Đôn	Ủy viên HĐQT	271.753.424	-
Cộng		2.500.675.016	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**Mẫu số B 09a – DN**

Quý II/2023

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30/06/2023:

Vay ngắn hạn cá nhân bên liên quan:

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
Ông Hoàng Tuyên	35.620.000.000	35.620.000.000
Ông Lê Xuân Tân	11.400.000.000	11.400.000.000
Ông Nguyễn Văn Thủy	35.000.000.000	35.000.000.000
Ông Nguyễn Xuân Đôn	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	92.020.000.000	92.020.000.000

7.3 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Ngày 06/07/2023, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 10 với số vốn điều lệ là 958.746.100.000 đồng, tương ứng với 95.874.610 cổ phần.

Ngày 20/07/2023, Công ty đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất tại địa chỉ Khối 10, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bia DL 066480 cho Công ty cổ phần Bệnh viện TNH Lạng Sơn theo Nghị quyết số 631/2023/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 07 năm 2023 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng ngày với giá chuyển nhượng là: 54.050.000.000 VND để đầu tư xây dựng Bệnh viện TNH Lạng Sơn.

Ngoài sự kiện nêu trên, đến ngày lập báo cáo Quý II/2023 này, Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính Quý II/2023 của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.4 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh trên Bảng cân đối kế toán Quý II/2023 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Số liệu để so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý II/2023 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này là số liệu trên Báo cáo tài chính bán niên của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Để đảm bảo tính so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" được trình bày lại tương ứng với số cổ phiếu của Công ty lưu hành đến thời điểm 30/06/2023.

Chi tiết như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (đơn vị tính: VND):

Chỉ tiêu	BCTC Quý II/2022	Số điều chỉnh để trình bày lại	BCTC Quý II/2022 (Được trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	736	(338)	398

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 07 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU**KẾ TOÁN TRƯỞNG****CHỦ TỊCH HĐQT**




LƯU THỊ HẢI YẾN**NGUYỄN THỊ THU THỦY****HOÀNG TUYÊN**

